ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2978 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 16 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án: Xây dựng Khoa Gây mê hồi sức Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng Khoa gây mê hồi sức Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 499/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Khoa gây mê hồi sức Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khoa gây mê hồi sức Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 3858/UBND-THKH ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh về việc giao tiếp tục triển khai thực hiện dự án Xây dựng Khoa gây mê hồi sức Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5012/SXD-HĐXD ngày 08/7/2024 về việc Phê duyệt điều chỉnh Dự án Xây dựng Khoa gây mê hồi sức Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ tại Tờ trình số 1879/TTr-BVĐKT ngày 17/6/2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Xây dựng Khoa Gây mê hồi sức Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Khái quát về dự án

Dự án Xây dựng Khoa Gây mê hồi sức Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa được phê duyệt tại Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh với tổng mức đầu tư là 166.493.481.000 đồng; Chủ đầu tư là Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa; nguồn vốn ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp y tế) đầu tư phần thiết bị gắn liền với phần xây lắp và chi phí khác với kinh phí khoảng 104.200 triệu đồng, trong đó: Giai đoạn 2019-2020 là 73.400 triệu đồng, giai đoạn 2021-2023 là 30.800 triệu đồng; nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn huy động hợp pháp khác của đơn vị đầu tư phần xây lắp với kinh phí khoảng 62.300 triệu đồng; thời gian thực hiện từ năm 2019 đến năm 2023.

2. Lý do điều chỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 499/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng Khoa gây mê hồi sức Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa (trong đó bao gồm việc điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án).

3. Nội dung điều chỉnh

3.1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư (làm tròn): **171.140.000.000** đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng:	55.995.256.641	đồng;
- Chi phí thiết bị:	106.694.227.502	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	2.048.560.647	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	4.824.017.810	đồng;
- Chi phí khác:	1.577.584.957	đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

3.2. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp y tế) đầu tư thiết bị gắn liền với xây lắp và chi phí khác với kinh phí 104.200 triệu đồng, trong đó: giai đoạn 2019-2020 là 73.400 triệu đồng, giai đoạn 2021-2023 là 30.800 triệu đồng; nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn huy động hợp pháp khác của đơn vị đầu tư phần xây lắp với chi phí khoảng 67.212 triệu đồng.

3.3. Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án: Năm 2019-2024.

3.4. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư (Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo việc nghiệm thu, thanh quyết toán và các thủ tục theo đúng quy định, không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

2. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán,…) về kết quả thẩm định, tính chính xác, hợp pháp của nội dung hồ sơ dự án trình phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh ; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

(DA-M43)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đầu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án: Xây dựng Khoa Gây mê hồi sức Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+), hoặc giảm (-)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5) = (4) - (3)*
I	**CHI PHÍ XÂY DỰNG**	**48.857.520.000**	**55.995.256.641**	**7.137.736.641**
II	**CHI PHÍ THIẾT BỊ**	**89.664.309.000**	**106.694.227.502**	**17.029.918.502**
1	Hệ thống khí y tế	6.100.000.000	15.087.617.245	8.987.617.245
2	Hệ thống điều hòa, thông gió	5.200.000.000	5.215.106.025	15.106.025
3	Hệ thống nội thất thiết bị phòng mổ	40.482.000.000	38.879.708.522	-1.602.291.478
4	Hệ thống khí sạch	19.500.000.000	19.672.395.700	172.395.700
5	Hệ thống thang máy	9.522.000.000	9.374.000.000	-148.000.000
6	Hệ thống CNTT (mạng lan, điện thoại, truyền hình ảnh trực tuyến, camera)	4.151.508.000	1.759.829.326	-2.391.678.674
7	Hệ thống PCCC	1.897.981.000	1.846.000.000	-51.981.000
8	Hệ thống bơm nước cấp và lọc RO	710.820.000	711.810.000	990.000
9	Trạm biến áp và đường dây cấp công trình	2.100.000.000	14.147.760.684	12.047.760.684
III	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**	**2.378.797.591**	**2.048.560.647**	**-330.236.944**
IV	**CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD**	**4.976.314.829**	**4.824.017.810**	**-152.297.019**
1	Chi phí Khảo sát	350.000.000	1.046.600.000	3.990.855
2	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	692.609.145		
3	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	1.254.172.538	1.250.000.000	-4.172.538
4	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	88.432.111	167.532.810	-6.888.536
5	Chi phí thẩm tra dự toán	85.989.235		
6	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT thi công xây dựng	108.952.270	252.500.000	-44.712
7	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT lắp đặt thiết bị	123.736.746		
8	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu khảo sát, lập Báo cáo NCKT	10.033.380		
9	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu thiết kế bản vẽ thi công và dự toán			

10	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	9.822.316		
11	Chi phí giám sát thi công XD	1.227.789.478	1.677.000.000	28.684.913
12	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	420.525.609		
13	Chi phí giám sát công tác khảo sát	14.252.000		-14.252.000
14	Chi phí thí nghiệm nén tĩnh cọc	450.000.000	430.385.000	-19.615.000
15	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	140.000.000		-140.000.000
	Chi phí công tác giám sát, đánh giá đầu tư			
V	**CHI PHÍ KHÁC**	**3.310.765.589**	**1.577.584.957**	**-1.733.180.632**
1	Chi phí hạng mục chung	1.710.013.200	606.547.283	-1.103.465.917
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	18.315.000	18.315.000	
3	Chi phí bảo hiểm công trình	58.629.024	56.345.674	-2.283.350
4	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	291.375.000	290.500.000	-875.000
5	Chi phí kiểm toán	976.189.500	336.000.000	-640.189.500
6	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	44.415.927	144.011.000	15.825.735
7	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu lắp đặt thiết bị	81.513.008		
8	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả LCNT gói thầu thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	1.140.157		
9	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả LCNT gói thầu giám sát thi công XD và lắp đặt thiết bị	1.116.172		
10	Phí thẩm duyệt PCCC	8.058.600	8.066.000	7.400
11	Chi phí kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	70.000.000		-70.000.000
12	Chi phí thẩm định giá thiết bị	50.000.000	117.800.000	67.800.000
VI	**CHI PHÍ DỰ PHÒNG**	**17.305.774.013**		**-17.305.774.013**
1	Chi phí dự phòng do khối lượng phát sinh	14.918.770.701		
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá	2.387.003.312		
	TỔNG CỘNG	**166.493.481.021**	**171.139.647.557**	**4.646.166.536**
	LÀM TRÒN	**166.493.000.000**	**171.140.000.000**	**4.646.000.000**